

NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA VĂN HÓA GỐM NGƯỜI VIỆT ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

TRƯƠNG MINH HẰNG*

Là một trong ba tiểu vùng của Bắc Bộ Việt Nam, đồng bằng sông Hồng được hình thành bởi sự bồi lấp phù sa của các dòng sông trong hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình. Trải qua thời gian, đồng bằng sông Hồng đã mang trong mình những đặc điểm chung về bối cảnh địa lý, lịch sử và văn hoá của vùng đất này. Người Việt có mặt ở nơi đây đã nhiều thiên niên kỉ. Trên cảnh quan địa lý đa dạng: sông ngòi, núi đồi, đồng bằng, duyên hải, biển và hải đảo..., người Việt dần thích nghi với môi trường để tạo lập cuộc sống và góp phần định hình diện mạo văn hoá của mình. Một trong những diện mạo ấy là *đồ gốm và văn hóa gốm* nảy sinh, tồn tại và phát triển suốt quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Nếu như hiện nay, nội hàm của khái niệm *văn hóa* ngày càng được triển nở, mở mang theo nghĩa rộng nhất của nó thì *văn hóa gốm* được hiểu là *toàn bộ quá trình hình thành, sáng tạo ra đồ gốm của con người, cũng như quá trình tồn tại, phát triển của đồ gốm trong chiều dài lịch sử, trong các bối cảnh kinh tế, xã hội khác nhau và những tác động trở lại của đồ gốm đối với đời sống tinh thần và vật chất của con người*. Nói gọn hơn, văn hóa gốm là những gì liên quan đến sự xuất hiện và tồn tại của đồ gốm, là *đời sống sinh tồn của gốm*. Nghiên cứu văn hóa gốm là nghiên cứu những diện mạo và khía cạnh văn hóa của đồ gốm. Từ kết quả của một

công trình nghiên cứu, chúng tôi muốn thông qua bài viết này, bước đầu nhận diện một số đặc trưng cơ bản của văn hóa gốm người Việt vùng đồng bằng sông Hồng.

1. Các nhà nghiên cứu tiền sử sử cho rằng, những mảnh gốm đầu tiên đã được tìm thấy trong các di chỉ văn hóa Đa Bút, Cái Bèo và Quỳnh Văn - nền văn hóa của cư dân sống ở đồng bằng ven biển, lấy kinh tế khai thác hải sản làm phương thức sinh hoạt chủ yếu. Nhu cầu chế biến thức ăn tanh và sống trong môi trường nước nhuyễn thể, sẵn có nguồn nguyên liệu đất sét, cát,... là những tiền đề chủ yếu cho sự ra đời của đồ gốm và phát triển thành các trung tâm sản xuất chủ yếu suốt trong thời Đá mới ở Việt Nam. Ngay từ khi xuất hiện do ảnh hưởng của địa hình từng vùng, do phụ thuộc vào tâm lý, lối sống, thói quen của tín ngưỡng và trình độ văn hóa cư dân tuy có những đặc trưng chung, nhưng diện mạo đồ gốm giữa các vùng lại bộc lộ tính địa phương rất mạnh. Mỗi trung tâm đều mang một diện mạo riêng và tồn tại độc lập trong một thời gian khá dài. Điều đó chứng tỏ rằng, đồ gốm đã xuất hiện đồng thời ở nhiều nơi và ngay từ đầu đã tồn tại nhiều quá trình thử nghiệm của từng địa phương.

Đến giai đoạn Đồng thau - sơ kì đồ Sắt, đồ gốm đã có những thay đổi đáng kể so với giai đoạn trước. Ở giai đoạn này nổi lên xu thế hội nhập và hiện tượng phát triển không đồng đều giữa các trung tâm văn hóa tiền - sơ sử. Có ba trung tâm gốm lớn ứng với ba

* PGS.TS. Viện Nghiên cứu Văn hóa.

vùng văn hóa, văn minh thời đại Kim khí Việt Nam (Vùng văn hóa Đông Sơn, Vùng văn hóa Sa Huỳnh, Vùng văn hóa Đông Nam Bộ). Mỗi vùng đều có hệ thống gốm mang những đặc trưng riêng, có quá trình và tốc độ phát triển khác nhau.

Tại lưu vực sông Hồng có hệ thống gốm phát triển lên từ truyền thống gốm Phùng Nguyên và trải qua ba giai đoạn phát triển kế tiếp nhau. Gốm Phùng Nguyên có thể coi là loại gốm mở đầu cho lịch sử phát triển đồ gốm vùng đồng bằng sông Hồng. Đến thời kì Đông Sơn, với cuộc cách mạng luyện kim, người Việt cổ đã tràn xuống làm chủ các vùng đồng bằng. Họ đã định cư trên mọi địa hình, địa vực, phát triển nghề canh tác lúa nước, và gần như một quy luật, những trung tâm sản xuất gốm dần hình thành và triển khai trên các dải đồng bằng nằm kẹp giữa các chi lưu sông, hoặc ngay tại các ngã ba sông, thuận lợi cho việc thông thương, khai thác nguyên liệu và trao đổi sản phẩm.

Như vậy, cách ngày nay khoảng bốn ngàn năm, trong khoảng thời gian gần hai thế kỉ, từ văn hóa Phùng Nguyên đến văn hóa Đông Sơn, *những đại diện đầu tiên của gốm đồng bằng sông Hồng đã hình thành, tồn tại và phát triển trên một vùng châu thổ màu mỡ được bồi đắp bởi phù sa của các con sông trong hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.* Từ những đại diện đầu tiên này, văn hóa gốm đã phát triển, lan tỏa và trải rộng ảnh hưởng của nó tới các loại hình văn hóa khác trong suốt chiều dài lịch sử.

2. Nếu như trong suốt thời gian bảy, tám ngàn năm thời tiền - sơ sử, loại hình gốm đất nung chiếm ưu thế tuyệt đối trên bình diện các văn hóa khảo cổ thì đến thời Bắc thuộc, trong suốt một thiên niên kỉ đầu công lịch, bên cạnh loại hình gốm đất nung, sự ra đời và phát triển của loại gốm sành là một mạch tiếp nối khá tuần tự và bền vững. Và xét về

một phương diện nào đó, có thể coi sự xuất hiện của loại hình này, với sự hoàn thiện dần của kĩ thuật lò nung, là một trong những động lực tạo đà cho sự ra đời của hàng loạt các trung tâm gốm men lớn tập trung ở khu vực châu thổ Bắc Bộ vào các giai đoạn sau. Thời Bắc thuộc, loại hình gốm men cũng đã xuất hiện nhưng các “thông số” phản ánh mờ nhạt, chất lượng và kĩ thuật chế tác chưa cao.

Vào những thế kỉ đầu thời Đại Việt, Thăng Long là nơi có những lò gốm lớn nhất ở đồng bằng sông Hồng. Nếu như vào các thế kỉ XI-XIV, các khu lò gốm chỉ tập trung ở địa bàn các tỉnh thuộc lưu vực đồng bằng và trung du Bắc Bộ như Thanh Hoá, Nam Định, Thăng Long, Bắc Ninh, Hải Dương, Vĩnh Phúc thì từ thế kỉ XV trở đi, các khu vực sản xuất gốm đã mở rộng địa bàn xuống các tỉnh Trung Bộ, rồi sau đó là Nam Bộ. Suốt thời kì Đại Việt, các trung tâm sản xuất gốm đã được triển khai trên một mặt bằng khá rộng thuộc vùng châu thổ sông Hồng và sông Thái Bình, bao gồm các tỉnh: Vĩnh Phúc, Hà Nam, Nam Định, Hà Tây, Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương. *Do yêu cầu mang tính đặc thù của nghề gốm nên các trung tâm gốm thường nằm sát lưu vực các dòng sông lớn, thuận tiện cho việc khai thác, chuyên chở nguyên liệu, nhiên liệu và tiêu thụ sản phẩm.*

3. Thời Lý được coi là thời kì mở màn cho sự “lên ngôi” của nghệ thuật gốm men Đại Việt. Gốm men ngọc và gốm hoa nâu thời Lý, Trần được coi là hai trong những đỉnh cao của nghệ thuật gốm men Việt Nam. Bên cạnh dòng gốm men nâu, gốm men ngọc, còn có gốm men trắng và gốm hoa nâu cũng được sản xuất. Tuy vậy, việc nghiên cứu niên đại và nguồn gốc của những dòng gốm này gặp không ít khó khăn. Người ta khó tìm được lí do để giải thích về sự xuất

hiện và phát triển gần như “đột khởi” của một số dòng gốm men nổi tiếng (trong đó có gốm men ngọc) vì hiện tại chúng dường như đã thất truyền.

Sang thời Trần có thêm sự xuất hiện của gốm hoa lam - một dòng gốm có vị trí đặc biệt quan trọng và được xem là một thành tựu lớn của nền công nghệ gốm cổ Việt Nam. Gốm hoa lam xuất hiện vào khoảng đầu, hoặc nửa đầu thế kỉ XIV, và không chỉ xuất hiện sớm, những bằng chứng từ bên ngoài Việt Nam cho thấy, ngay từ nửa đầu thế kỉ XIV, dòng gốm này đã tham gia vào thị trường thương mại quốc tế.

Nhìn vào sơ đồ mạng lưới những lò gốm cổ đã từng tồn tại trên vùng châu thổ Bắc Bộ, có thể thấy rằng, Hải Dương chính là vùng đất địa, là “miền đất hứa” cho các loại gốm men và sứ (trong số 14 địa điểm khảo cổ học đã được phát hiện, có 13 điểm thuộc Hải Dương, chỉ có 1 thuộc Hưng Yên). Chỉ nói riêng về dòng gốm hoa lam, tại Hải Dương có hai trung tâm lớn, bao gồm: trung tâm gốm huyện Nam Sách và trung tâm gốm huyện Bình Giang. Điều đáng ghi nhận là chính những lò gốm nổi tiếng của Hải Dương như Chu Đậu - Mỹ Xá, Ngói, Bá Thủy, Hợp Lễ... đã có những đóng góp quan trọng trong lịch sử phát triển gốm men Đại Việt, đặc biệt là trong việc xuất khẩu gốm ra thị trường nước ngoài. Hơn nữa, sự phát triển mạnh mẽ của các dòng gốm men ở Hải Dương, trong đó, dòng gốm hoa lam đóng vai trò chủ đạo, đã ảnh hưởng sâu rộng tới các địa bàn sản xuất gốm khác ở đồng bằng Bắc Bộ.

4. Cũng như cơ cấu làng Việt nói chung, các làng gốm được định hình vào khoảng thế kỉ XIV, XV, sau sự tan rã của chế độ điền trang thái ấp. Nhìn vào diện mạo một làng gốm cổ, cho dù làng không còn sản xuất nữa, những ai tinh ý vẫn có thể nhận

biết qua một vài đặc điểm sau: 1) Đất cư trú chật, nhà hầu như không có vườn, cây cối cũng hiếm hoi vì đất đai cằn cỗi, ao chuôm tù đọng; 2) Do có nghề, nên các làng làm gốm thường có thói quen chơi cây cảnh, chậu hoa, bày đặt non bộ và phong thủy... Một phần do điều kiện nghề nghiệp và kinh tế khá giả hơn nghề nông, một phần khác là do đất thổ cư ưu tiên cho nhà xưởng, sân, kho nên rất chật; 3) Bên cạnh dấu tích của một dòng chảy (có thể là một dòng sông hoặc con ngòi đã chết, nay thành ao, hồ) là phương tiện giao thông chính vào thời điểm nghề gốm tồn tại, còn dấu tích các khu lò, các bãi phế thải (gốm vỡ, xỉ than, sa mốt...) nằm ở phía sau rìa làng hoặc bên các bên đò. Tất cả những khoảng đất trống, đồng bãi trong làng, kể cả đường đi đều được tận dụng để làm sân phơi, kho bãi và không khí trong làng luôn đậm đặc bởi bụi, khói, chất thải, hơi đốt... gây ô nhiễm nặng nề.

Ngoài ra, các làng gốm hiện đang sản xuất còn có các đặc điểm như, rất ít làng có ruộng, và nếu có, họ cũng thuê nhân công chứ không cày cấy, bởi không chỉ có đàn ông mà phụ nữ trong các làng gốm đều không thạo nghề nông. Ở họ thiếu hẳn những tri thức cần có khi canh tác ruộng đồng. Điều này cũng phần nào chứng tỏ, tính chuyên môn hóa ở các làng gốm cao hơn các làng nghề khác.

5. Trong lịch sử phát triển, để tìm kiếm nguyên liệu khi nơi cũ không còn khả năng khai thác, các cuộc di cư của dân làm gốm đã thường xuyên diễn ra với tuyến di chuyển chủ yếu dọc theo các dòng sông. Ngoài nguyên liệu thì tìm kiếm thị trường cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc chuyển cư.

Để một sản phẩm gốm ra đời, phải có sự tham gia của nhiều người và bản thân mỗi người thợ phải thao tác rất nhiều công đoạn.

Điều này dẫn đến một số nét đặc trưng sau:

1) *Tính cộng đồng là một nhân tố thiết yếu cho sự tồn tại và phát triển của một làng hay một trung tâm gốm,* 2) *Tính bảo lưu (và bảo thủ) trong nghề gốm khá cao, nghề gốm khó học và cũng khó truyền dạy, nó không phải là một thứ nghề đại trà, lại càng không phải là thứ nghề có thể dễ dàng “chuyển giao” công nghệ từ nơi này sang nơi khác,* 3) *Số lượng làng gốm không nhiều như những làng nghề khác.* Khi di chuyển thường phải di chuyển cả làng, hoặc ít nhất cũng phải đem theo một nhóm đông gia đình thợ.

Sự hình thành của nghề gốm có thể bắt đầu từ nhu cầu tự phát, nhưng khi đã tồn tại và phát triển như một nghề thủ công ở làng lại có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống kinh tế, văn hoá của cộng đồng cư dân. *Với những đặc điểm khá riêng biệt trong phương thức hành nghề và quy trình gia công sản phẩm, so với các nghề thủ công khác, nghề gốm ít có khả năng và điều kiện lan truyền từ nơi này sang nơi khác.* Quy trình sản xuất gốm phức tạp, thông qua các công cụ sản xuất và sản phẩm, có thể thẩm định, đánh giá sự phát triển của công nghệ gốm qua các thời kì lịch sử.

Không chỉ phản ánh trình độ văn hóa, kĩ thuật, thị hiếu thẩm mỹ, tập tục, đời sống sinh hoạt, tín ngưỡng, đời sống kinh tế và giao lưu của người Việt trong từng giai đoạn lịch sử, đồ gốm còn phản ánh một trong những nét đặc trưng trong ứng xử với tự nhiên, do tự nhiên chi phối của người Việt. Có thể lấy ví dụ qua việc chế tác và sử dụng gốm: cho đến tận ngày nay, cách nung của thợ gốm vẫn rất tiết kiệm, khi chõng lò, họ tận dụng tối đa các khoảng trống trong lò, bên cạnh hàng chính, vẫn sản xuất thêm ngói, gạch, chậu, chum và những đồ “tầm tầm” khác. Những đồ này có thể không bán mà để dùng. Đây cũng là dấu ấn của một thời kì dài

“tự sản tự tiêu”, “tự cung tự cấp”.

6. Đồ gốm bao giờ cũng mang tính địa phương rõ nét. Đó chính là cơ sở để nhận diện các vùng gốm cũng như các địa chỉ, địa danh gốm. Việc hình thành và phân bố các làng gốm, trải qua thời gian, cũng dần được định vị như một quy luật mang tính nội tại. Mỗi làng dần định hình một phong cách riêng, một dạng thức sản phẩm riêng, khó pha trộn. Chính chức năng, giá trị của các loại hình sản phẩm đã góp phần tạo nên những vùng gốm khác nhau phân bố trải rộng hầu khắp địa bàn châu thổ sông Hồng.

Nói đến đồ gốm là nói tới sự bền vững của truyền thống. Từ thời Phùng Nguyên - Đông Sơn, ở châu thổ sông Hồng, mặc dù đã sử dụng thành thạo bàn xoay, con người vẫn khéo léo kết hợp bàn xoay với phương pháp bàn đập hòn kê. So với bàn xoay chậm, bàn xoay nhanh có lịch sử cách ngày nay hàng nghìn năm, nhưng cho tới nay, chất lượng và tốc độ vòng quay dường như rất ít tiến triển. Như vậy, ngoài tính địa phương, *tính bảo lưu, bảo thủ truyền thống là một trong những ứng xử của người Việt với đồ gốm, đặc biệt ở hai loại hình gốm sành và gốm đất nung.* Hiện, nhiều lò sành và đất nung địa phương vẫn còn tiếp tục sản xuất những loại hình đã có từ hàng trăm năm trước với chất liệu và kĩ thuật nung dường như rất ít thay đổi. Tính “bảo thủ”, trì trệ của loại hình gốm này qua hàng ngàn năm tồn tại đã tạo nên hai mặt đối lập: một mặt, giúp nó duy trì được truyền thống và tránh được những va đập dẫn đến sự mai một; mặt khác, trở thành những khuôn mẫu cứng nhắc, ngăn cản sự “dấn thân” và “hoà nhập” của đồ gốm trước những biến động xã hội.

7. Số phận của các lò gốm ở nửa phần phía bắc đất nước gắn liền với dòng chảy của các chi lưu trong hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình. *Hầu hết các lò gốm cổ*

vùng đồng bằng Bắc Bộ nảy sinh, tồn tại và phát triển lâu đời dựa trên hai yếu tố căn bản là vùng nguyên liệu và điều kiện giao thông, trong đó, giao thông đường thủy đóng vai trò chính. Chưa nói đến các sông nhánh, các con sông lớn như sông Hồng, sông Đáy, sông Cầu, sông Thương, sông Kinh Thầy, sông Thái Bình... từ xa xưa luôn là những huyết mạch giao thông chính trong sản xuất và giao lưu gốm. Đặc biệt, trong thời kì “đại thương mại Việt Nam” (thế kỉ XV-XVII), phương tiện vận chuyển chủ yếu (và có thể là duy nhất) để giao lưu buôn bán với các nước ngoài phạm vi lãnh thổ vẫn là tàu, thuyền. Đó là cơ sở để hình thành *con đường gốm sứ trên biển* được các nhà khoa học khám phá, phát hiện trong một vài thập kỉ gần đây.

Nghiên cứu về sự khởi nguồn, khởi nghiệp của các làng gốm cổ đồng bằng sông Hồng, có thể nhận thấy, hiếm có làng nào không hình thành từ sông và sinh tồn nhờ sông. Nếu dòng chảy là nguyên nhân chính để nghề gốm hình thành và phát triển thì nó cũng là một trong những nguyên nhân để nghề gốm tàn lụi. *Một trong những nguyên nhân đầu tiên tạo tiền đề cho sự khởi nghiệp là vùng nguyên liệu tại chỗ; và chính nguyên liệu của một vùng đã quyết định đặc trưng sản phẩm, tính ổn định và sự hưng vong của một nghề.*

8. Từ chức năng đầu tiên - chức năng âm thực - đồ gốm được dùng để chế biến thức ăn tanh và sống trong môi trường nước (biển), đến các chức năng khác như: chứa đựng, nghi lễ, trang trí, đồ thờ, đồ minh khí, đồ trang sức, vật giữ lửa, mai táng hài cốt, công cụ sản xuất, vũ khí, xây dựng v.v..., có thể nói, đồ gốm đã mở rộng vai trò và ảnh hưởng của nó tới hầu khắp các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và tín ngưỡng của người Việt. *Việc con người biết sử dụng đồ gốm để tích*

trữ lương thực, thực phẩm đã phản ánh tiềm năng kinh tế và việc hình thành tập quán cư trú ổn định của những người làm nghề nông trong các giai đoạn lịch sử. Bởi “không định cư, không làm được nghề gốm”. Chỉ xét riêng từ góc độ âm thực, đồ gốm đã đóng vai trò quan trọng trong nấc thang tiến hóa của loài người.

Ngay từ những thế kỉ đầu tiên thời Đại Việt, đồ gốm đã gia nhập hầu hết các lĩnh vực kiến thiết, trang trí đền đài, cung điện, lăng tẩm và kiến trúc tôn giáo. Loại hình và chức năng của đồ gốm ngày càng phong phú, đa dạng và sự phát triển của đồ gốm trong lĩnh vực công nghệ (sản phẩm công nghiệp, hóa chất, các chi tiết máy, v.v...) một vài thập kỉ gần đây cho thấy vai trò lớn lao của gốm trong đời sống xã hội hiện tại.

Trên thực tế, *đồ gốm vừa có những phẩm chất của hội họa, vừa có ưu thế của yếu tố điêu khắc. Vì vậy, chức năng của đồ gốm ngày nay được phát huy hơn bao giờ hết.* Đưa nghệ thuật gốm hiện đại đến một mức cao hơn trong việc phục vụ nhiều mặt của cuộc sống xã hội là xu hướng chung mà nhiều nước trên thế giới hiện đang đề cập tới. Đó cũng là mục đích, yêu cầu và sứ mạng của nghệ thuật gốm Việt Nam trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay.

9. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, một bộ phận người Việt vùng đồng bằng sông Hồng đã chọn cho mình sinh nghiệp chủ yếu ở nghề chế tác đồ gốm. Phương thức sinh tồn này có nhiều điểm không giống với các nghề thủ công truyền thống khác, vì vậy, văn hoá của cư dân làm gốm có những nét riêng phản ánh lối sống, phương thức hành nghề, truyền nghề, quy trình sản xuất và tri thức nghề nghiệp của họ. Một trong những hiện tượng văn hoá phản ánh rõ nét tính đặc thù của nghề gốm chính là tín ngưỡng *thờ lửa* (thờ các vị *thần lửa, thần lò, sư lò, ma*

lò...) được bảo tồn và duy trì bền vững trong các làng gốm.

So với tín ngưỡng thờ tổ nghề nói chung, tín ngưỡng thờ thần lửa, thần lò xuất hiện sớm hơn, đậm đặc hơn, nhưng việc phụng thờ thần tại các làng gốm chưa được nghi thức hóa, chưa có những thiết chế hay những lễ nghi, lễ thức bài bản như tín ngưỡng thờ các vị thần bảo hộ nói chung, thờ tổ nghề của người Việt nói riêng. Nhưng dù sao, với nghề gốm, người Việt ở đồng bằng sông Hồng đã xây dựng cho mình một hệ thống niềm tin, nhằm hỗ trợ đắc lực cho công cuộc mưu sinh. Cùng với niềm tin đó, họ đã phát huy tài năng, óc sáng tạo để làm nên nét riêng của đồ gốm Việt - một truyền thống sản xuất gốm lâu đời và bền bỉ nhất trong các vùng lãnh thổ.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Gia Bền, 1958. Tư bản Pháp với thủ công nghiệp Việt Nam, *Văn Sử Địa*, số 37, tr. 18-33.
2. Hà Văn Cẩm, 1999. Về niên đại của các trung tâm gốm cổ ở Hải Dương, *Khảo cổ học*, (3), tr. 72-90.
3. Nguyễn Đình Chiến, 1996. Trung tâm gốm Bát Tràng, *Mỹ thuật*, Tạp chí của Hội Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, (16 + 17).
4. Nguyễn Trung Chiến, 1998. *Văn hóa Quỳnh Văn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Hoàng Xuân Chinh (chủ biên), 1989. *Văn hóa Hòa Bình ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Kim Dung, 2004. Kỹ thuật sản xuất thủ công cổ trong tiền - sơ sử Việt Nam, *Một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 470-483.
7. Phạm Như Hồ, 2005. 100 năm nghiên cứu khảo cổ học thời Bắc thuộc, *Một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam*, Tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội. tr. 12-21.
8. Phạm Minh Huyền, 1975. Tính độc đáo của người Việt cổ qua việc sử dụng đồ gốm, *Dân tộc học*, (3), tr 32 - 41.
9. Phạm Minh Huyền, 1996. *Văn hóa Đông Sơn, tính thống nhất và đa dạng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Phạm Lý Hương, 2004. Nghiên cứu gốm tiền sơ sử Việt Nam trong thế kỉ XX, những hiểu biết căn bản, *Một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội. tr. 429- 469
11. Hán Văn Khản, 2005. Đồ gốm hệ thống Phùng Nguyên - Đông Sơn ở châu thổ sông Hồng, *Một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 392-428.
12. Wilhelm G.Solheim, *Những chức năng của đồ gốm ở Đông Nam Á từ hiện tại ngược trở về quá khứ*, Tư liệu dịch của Viện Khảo cổ học, kí hiệu TL/695.
13. Ngô Đức Thịnh, 1990. Phác họa những sắc thái địa phương của văn hóa đồng bằng Bắc Bộ, *Văn hóa dân gian* (3), tr. 46-52.
14. Ngô Đức Thịnh, 2003. Về khái niệm không gian văn hóa, *Văn hóa dân gian* (4), tr. 3-8.
15. Bùi Minh Trí, 2005. Gốm sứ cổ Việt Nam, vấn đề niên đại và nguồn gốc, *Một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam*, Tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 390-407.
16. Bùi Minh Trí, Kerry - Nguyễn Long, 2001. *Gốm hoa lam Việt Nam (Vietnamese Blue and White Ceramics)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Bùi Vinh, 1991. Nguồn gốc ra đời các trung tâm Đá mới Việt Nam, *Khảo cổ học*, số 4, tr. 1-8.
18. Bùi Vinh, 2004. Các trung tâm gốm tiền sử đầu tiên ở Việt Nam, *Một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam*, Tập 1, Nxb. tr. 71-82.
19. Trần Quốc Vượng, 2003. Những hằng số văn hóa của gốm cổ Việt Nam, *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn học, tr. 407-411.